Panasonic

Hướng dẫn vận hành & lắp đặt

Máy giặt tự động hoàn toàn
(Dùng cho gia đình)

Số model. NA-FD165V3
NA-FD145V3
NA-FD125V4



Nội dung

Lưu ý về an toàn	2
Tên các bộ phận / Phụ kiện	6
Trước khi giặt	7
Bảng vận hành	8
Giặt	9
Các chế độ khác nhau	10
Chất giặt / Nước xả vải / Chất tẩy	12
Các tùy chọn giặt • Hẹn Giờ • Giặt / Xả / Vắt • Giặt Nhẹ • Chăn Màn • Stain Master + • Sấy Gió 90' • ECONAVI	14
Các chức năng tiện dụng	18
Nội dung các chế độ giặt	19
Bảo dưỡng	20
Lắp đặt	24
U13 và các cảnh báo khác	28
Xử lý sự cố	30
Thông số kỹ thuật	32

Cảm ơn quý khách đã mua sản phẩm.

- Xin vui lòng đọc kỹ các hướng dẫn này trước khi sử dụng để đảm bảo sản phẩm hoạt động tối ưu và an toàn nhất.
- Vui lòng cất giữ sách hướng dẫn này để tham khảo về sau.

AWW9901CF3C0-0C0
A0524-0(V)
In tại Việt Nam
05-2024

Lưu ý về an toàn

⚠ CẢNH BÁO

Có thể gây chấn thương nặng hoặc tử vong.

Không để trẻ em tự ý sử dụng sản phẩm.



- Người dùng (bao gồm cả trẻ em) bị suy giảm về sức khỏe, giác quan hoặc tinh thần, hoặc thiếu kinh nghiệm và kiến thức không được sử dụng sản phẩm, trừ khi họ được giám sát hoặc được hướng dẫn sử dụng bởi người chịu trách nhiệm cho sự an toàn của họ.
- Giám sát trẻ em, đề phòng trẻ đùa nghịch với sản phẩm.

Không chạm vào lồng giặt cho đến khi lồng giặt dừng quay.



- Nếu lồng giặt không dừng quay trong vòng 15 giây:

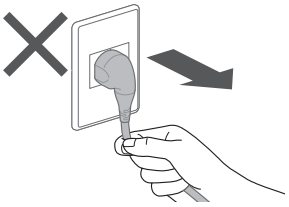


Có thể gây hỏa hoạn hoặc điện giật.

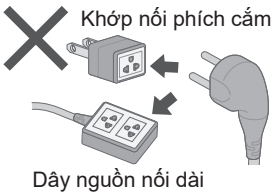
Không chạm khi tay ướt.



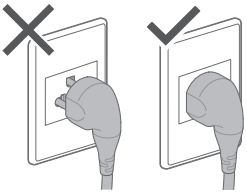
Không cầm hoặc kéo dây nguồn.



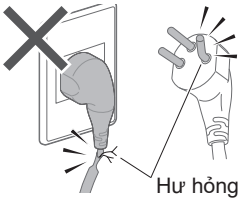
Không sử dụng.



Cắm chặt.

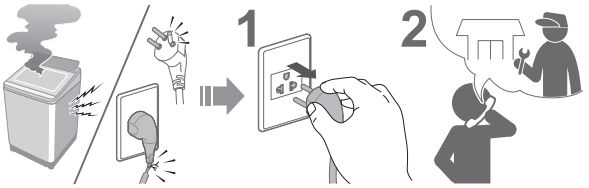


Không sử dụng.

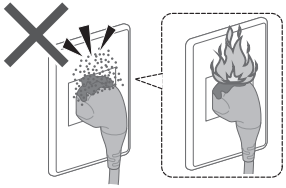


- Để tránh nguy hiểm, dây nguồn hỏng phải do nhà sản xuất, trung tâm dịch vụ hoặc người có chuyên môn thay thế.

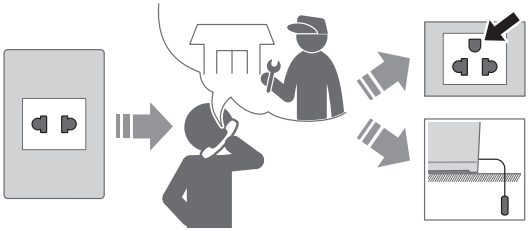
Trong trường hợp hỏng hóc hoặc trục trặc, ngừng sử dụng và liên hệ kỹ thuật viên điện.



Bụi bẩn tích tụ có thể gây hỏa hoạn.



Cắm chân nối đất thật chắc chắn. Yêu cầu kỹ thuật viên điện cung cấp một ổ cắm mới.

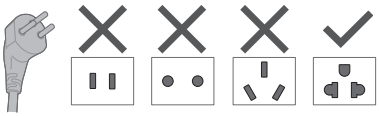


Vệ sinh phích cắm định kỳ.



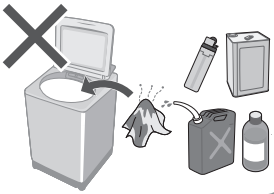
Sử dụng ổ cắm thích hợp cho thiết bị này.

Ví dụ)



- Hình dáng phích cắm thay đổi theo từng khu vực.

Để các vật liệu dễ cháy cách xa máy giặt.



Có thể gây hỏng hóc.

Không tự ý tháo dỡ, sửa chữa hoặc chỉnh sửa máy giặt.

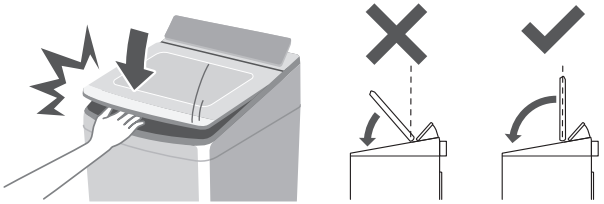


Lưu ý về an toàn (tiếp)

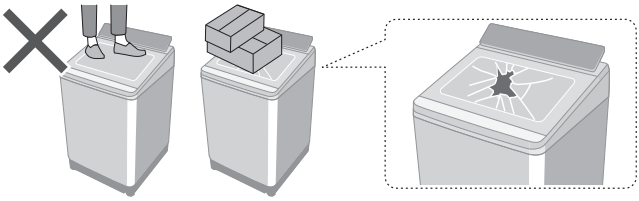
⚠ CẨN THẬN

Có thể gây thương tích.

Cẩn thận, tránh để ngón tay bị kẹp khi mở hoặc đóng nắp đậy.

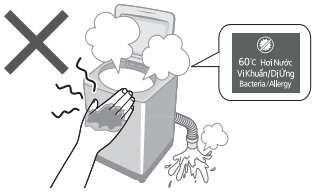


Không trèo hoặc đặt các vật nặng lên trên máy giặt.

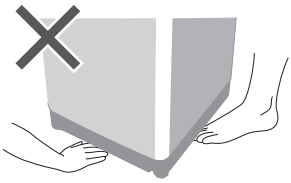


- Nếu nắp bị hỏng, ngừng sử dụng máy giặt ngay lập tức.

Không chạm vào lồng giặt và nước nóng được xả ra.

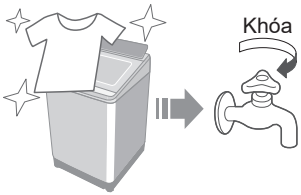


Không luồn tay hoặc chân xuống dưới gầm máy.

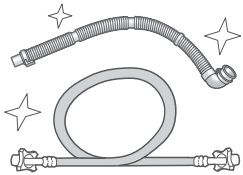


Có thể gây rò rỉ nước.

Khóa vòi nước sau khi giặt xong.



Sử dụng bộ ống nước mới.

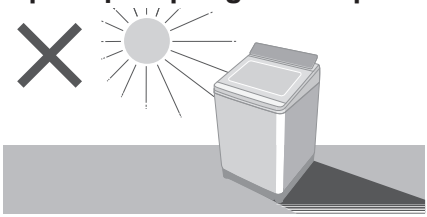


- Phải sử dụng bộ ống nước mới kèm theo sản phẩm, không sử dụng lại bộ ống nước cũ.

■ Để biết khối lượng quần áo khô tối đa và áp suất nước máy, xem Trang 32.

Có thể gây hỏng hóc.

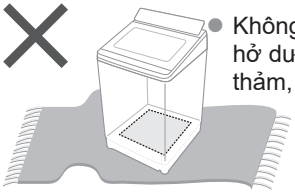
Đặt xa nơi có ánh nắng mặt trời trực tiếp hoặc nguồn nhiệt.



Không giặt các đồ vật có tính chống thấm nước.

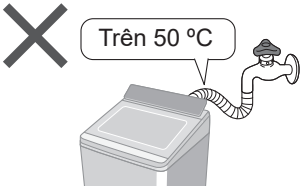


Không gây cản trở hoạt động của máy giặt.

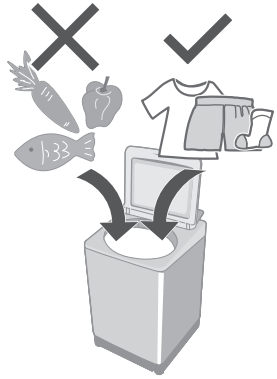


- Không bịt các lỗ hở dưới đáy bằng thảm, v.v.

Không kết nối với nguồn nước nóng.



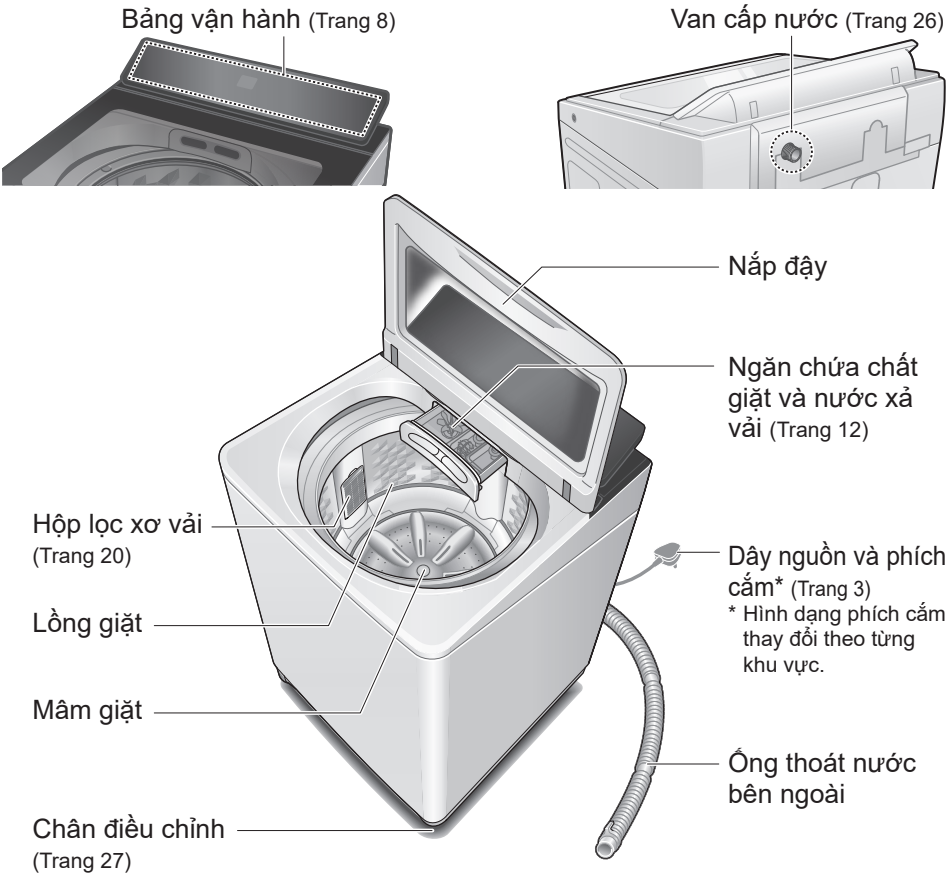
Chỉ sử dụng máy giặt cho các đồ vật có thể giặt máy.



- Thiết bị này được chủ định để sử dụng trong gia đình. Thiết bị này không được chủ định để sử dụng trong các trường hợp như:
  - khu vực bếp nhân viên trong các cửa hàng, văn phòng và môi trường làm việc khác;
  - nhà ở trang trại;
  - bởi khách hàng trong khách sạn, nhà nghỉ và các loại hình cư trú khác;
  - môi trường kiểu phục vụ ăn uống suốt đêm và bữa sáng;
  - khu vực dùng chung trong các khối căn hộ hoặc trong phòng giặt ủi.

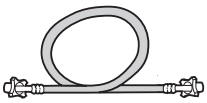
Tên các bộ phận / Phụ kiện

Tên các bộ phận



Phụ kiện

☐ Ống cấp nước (1) (Trang 26)

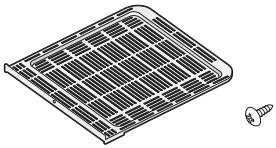


Chiều dài: 1,0 m

☐ Ống thoát nước bên ngoài (1) (Trang 25)



☐ Tấm bọc đáy (1) / Vít (1) (Trang 25)



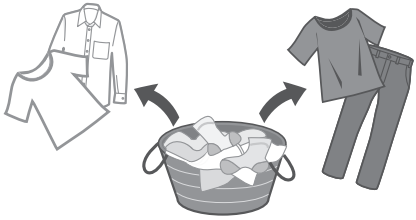
Trước khi giặt

Chuẩn bị đồ giặt và kiểm tra

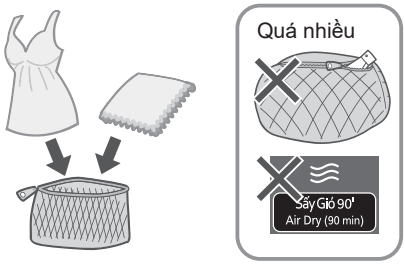
Kiểm tra trước khi giặt



Giặt riêng



Sử dụng túi giặt cho đồ mỏng



Đối với chế độ "Stain Master +" (Trang 16)

- Tiền xử lý với các vết bẩn cứng đầu



- Tuân theo các nhãn chăm sóc quần áo.



- Đối với



• Quần áo màu



• Trang phục vải cứng



• Quần áo làm từ vật liệu cao su



• Áo in hình



Bảng vận hành

Thay đổi cài đặt quá trình giặt

(Trang 14)



Nhấp nháy (đang trong quá trình)

Mực nước





▼ Khoảng 5 giây

Thời gian còn lại



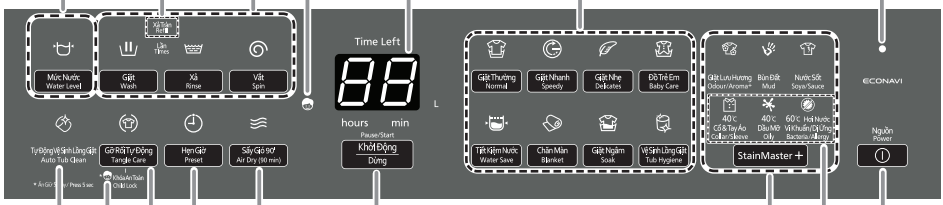


Lượng chất giặt tẩy

Mực nước (L)			Lượng chất giặt tẩy *2
99 *1	88	81	2
74	66	59	1
52	46	38	1
33			1

*1 NA-FD165V3: 99 L
NA-FD145V3: 93 L
NA-FD125V4: 91 L

*2 1 : 1 muỗng chất giặt



Xả tràn (Trang 19)

Đèn Khóa An Toàn (Trang 18)

Chọn chương trình (Trang 10)

ECONAVI (Trang 17)

Khởi Động/Dừng

Stain Master + (Trang 16)

Nguồn Bật/Tắt

Sấy Gió 90' (Trang 17)

Hẹn Giờ (Trang 14)

Gỡ Rối Tự Động (Trang 10)

Bộ cấp nhiệt Bật: Đèn nhấp nháy

Khóa An Toàn (Trang 18)

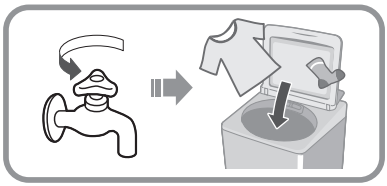
Tự động vệ sinh lồng giặt (Trang 18)

LƯU Ý

- Trong trường hợp mất điện.
  ➠ Máy sẽ khôi phục hoạt động từ điểm dừng trước đó khi có điện trở lại.
- Nếu bạn không ấn Khởi Động/Dừng trong vòng 10 phút sau khi bật nguồn.
  ➠ Tự động ngắt điện.
- Không thể thay đổi cài đặt quá trình giặt của các chế độ “Stain Master +” và “Giặt Ngâm”.

Giặt

1



2



(Trang 10)

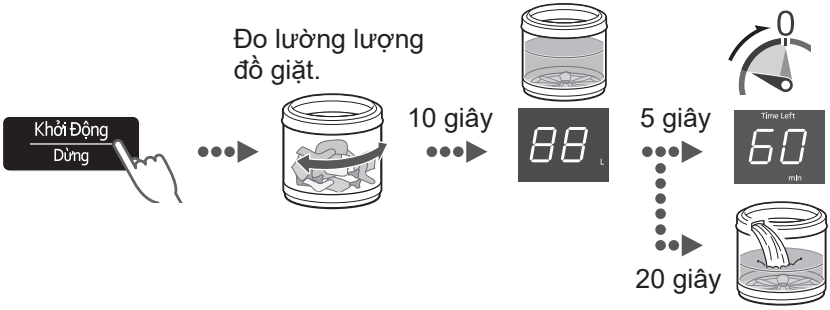
■ Hẹn giờ



(Trang 14)

3

Đo lường lượng đồ giặt.



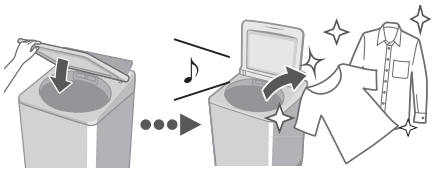
4



(Trang 8)

(Trang 12)

5



■Sau khi ấn “KHỞI ĐỘNG”

- Để thay đổi từng quá trình (trong khi giặt).

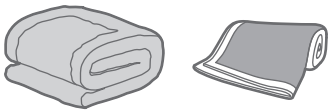


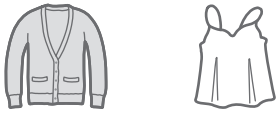
- Để kiểm tra hoặc thay đổi mực nước (trong khi giặt).



- Bạn không thể thay đổi chương trình giặt.

Các chế độ khác nhau

	Chế độ	Mục đích	Khối lượng giặt tối đa (kg)
Giặt	**Giặt Thường** (Trang 9)	● Quần áo thường ngày 	(NA-FD165V3) 16,5 (NA-FD145V3) 14,5 (NA-FD125V4) 12,5
	Gỡ Rối Tự Động (Trang 9)	● Chống xoắn rối • Giặt nhẹ nhàng hơn chế độ "Giặt Thường" để giảm xoắn rối. • Bước gỡ rối sau quá trình vắt chỉ có ở khối lượng giặt 8 kg trở xuống.	
	Giặt Nhanh (Trang 9)	● Với quần áo ít bẩn 	
	Giặt Ngâm (Trang 9)	● Quần áo bẩn nhiều Ngâm trước để giặt 	
	Đồ Trẻ Em (Trang 9)	● Quần áo dành cho trẻ nhỏ & người có làn da nhạy cảm Xả kỹ 	
	Tiết Kiệm Nước (Trang 9)	● Tiết kiệm nước 	
	Chăn Màn (Trang 15)	● Chăn màn  Được gắn nhãn có thể giặt máy	4,2

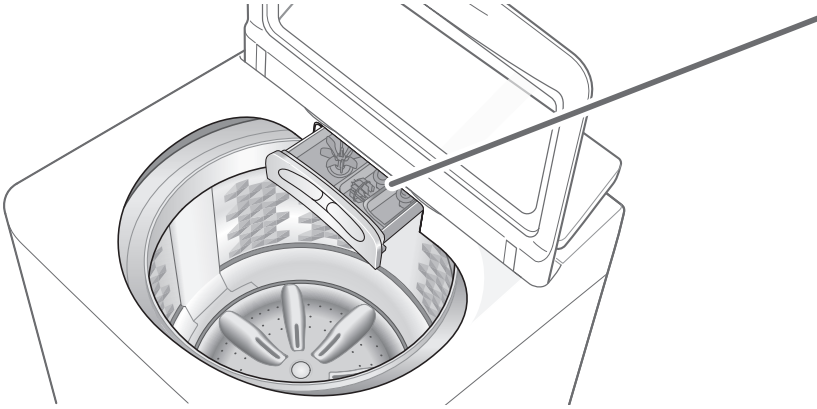
	Chế độ	Mục đích	Khối lượng giặt tối đa (kg)
Giặt	**Giặt Nhẹ** (Trang 15)	● Giặt nhẹ nhàng 	5,0
	StainMaster + (Trang 16)	● Với các vết bẩn dưới đây	6,0
	Bẩn ít — **Giặt Lưu Hương**	● Sử dụng thêm nước xả để giữ mùi hương lâu hơn	
	Bùn Đất		5,0
	Nước Sốt		
	Cổ & Tay Áo (40 °C)		
	Dầu Mỡ (40 °C) — Bẩn nhiều		
	Vi Khuẩn/Dị Ứng (60 °C Hơi Nước)		
Sấy	**Sấy Gió 90'** (Trang 17, 23)	● Sấy khô quần áo làm bằng sợi tổng hợp 	3,0
Bảo dưỡng		● Sấy khô lồng giặt 	—
Bảo dưỡng	**Vệ Sinh Lồng Giặt** (Trang 23)	● Vệ sinh lồng giặt Loại bỏ mốc đen và mùi khó chịu 	—

LƯU Ý

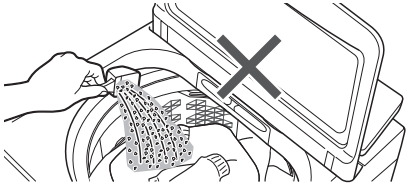
- Chế độ “Giặt Thường” và chế độ “Tiết Kiệm Nước” được khuyến nghị cho đồ giặt bẩn thông thường ở khối lượng giặt định mức của máy.

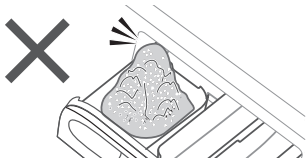
Chất giặt / Nước xả vải / Chất tẩy

- Làm theo hướng dẫn trên bao bì.
- Để vệ sinh ngăn chứa (Trang 21)
- Đóng ngăn chứa cẩn thận trước khi sử dụng.



Chất giặt





- **Không đổ chất giặt trực tiếp vào lồng giặt.**
- Mức độ tạo bọt tùy thuộc vào khối lượng đồ giặt, mức độ bẩn, loại chất giặt, và độ cứng của nước.

Chất tẩy

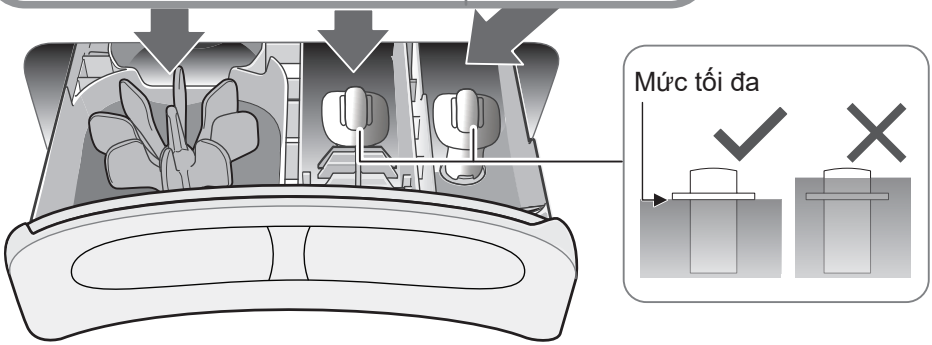
Chất tẩy trắng
(chất tẩy Clo)





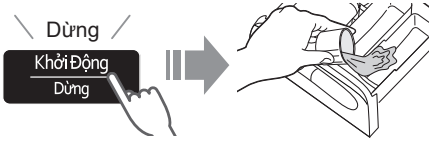
- Để sử dụng chất tẩy, cho chất tẩy vào ngăn chứa bột giặt (nếu chất tẩy dạng bột) hoặc ngăn chứa nước giặt (nếu chất tẩy dạng lỏng).

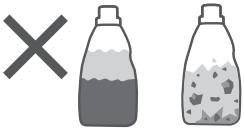




Nước xả vải

- Để cho nước xả vải vào khi máy đang hoạt động:





Không sử dụng nước xả vải đã tách lớp hoặc vón cục.



- Không thể sử dụng nước xả vải với chương trình “Tiết Kiệm Nước”.

Các tùy chọn giặt

Hẹn Giờ

Cài đặt thời gian để kết thúc quá trình giặt.

1



2



▼ 2 phút

Tất cả các đèn chỉ báo sẽ tắt ngoại trừ



Giặt Thường Normal	2 - 24
Giặt Nhanh Speedy	1 - 24
Giặt Nhẹ Delicates	-
Đồ Trẻ Em Baby Care	2 - 24
Tiết Kiệm Nước Water Save	2 - 24
Chăn Màn Blanket	-
Giặt Ngâm Soak	3 - 24
StainMaster +	(Trang 16)
Sấy Gió 90' Air Dry (90 min)	-
Vệ Sinh Lồng Giặt Tub Hygiene	-

■ Để xác nhận sau khi cài đặt hẹn giờ



■ Để hủy hoặc thay đổi

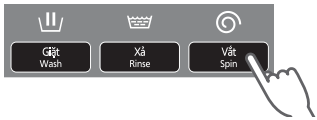


Giặt / Xả / Vắt

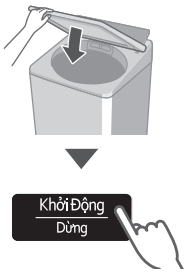
1



2



3



LƯU Ý

- Không khả dụng với chức năng “Gỡ Rối Tự Động”.



Giặt Nhẹ

74 L	5,0 kg
66 L	3,0 kg
59 L	1,0 kg

LƯU Ý



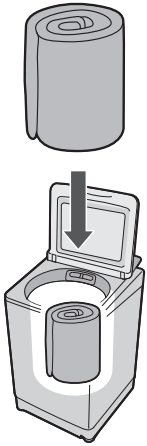
■ **Sau khi máy giặt xong**



Chăn Màn

Mực nước cao nhất*	4,2 kg • 100 % sợi tổng hợp • 100 % cotton

* NA-FD165V3: 99 L / NA-FD145V3: 93 L / NA-FD125V4: 91 L



LƯU Ý



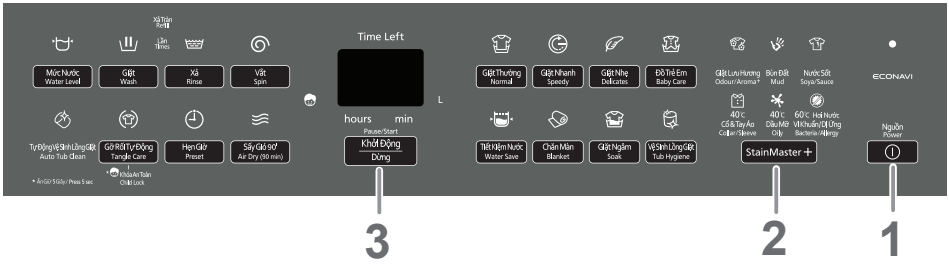
LƯU Ý

- Chỉ báo lượng nước hiển thị lượng nước tối đa và không thể thay đổi.

Các tùy chọn giặt (tiếp)

Stain Master +

Chuẩn bị: (Trang 7)



1



2



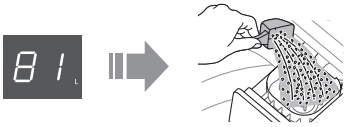
■ Hẹn Giờ (theo tiếng) (Trang 14)

Cổ & Tay Áo:	3 - 24
Dầu Mỡ:	3 - 24
Vi Khuẩn/Dị Ứng:	4 - 24
Khác:	2 - 24

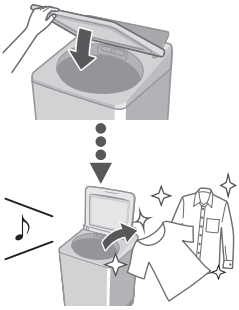
3



4

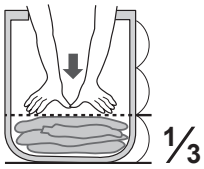


5



LƯU Ý

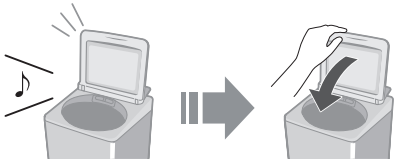
- Khối lượng giặt tối đa (Trang 11)



- Mức nước tối đa
  - Vi Khuẩn/Dị Ứng: 66L
  - Khác: 81L
- Không thể thay đổi cài đặt quá trình giặt của các chương trình này.
- Khi sử dụng

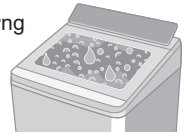


  - Hãy chắc chắn đã đóng nắp máy.



  - Sự đọng sương có thể xảy ra trên nắp máy, v.v.

Đọng sương



Sấy Gió 90'

Luồng không khí tạo ra do xoay lồng giặt sẽ loại bỏ nước khỏi quần áo.

- Quần áo có thể sấy: Sợi tổng hợp (Khối lượng tối đa: 3,0 kg)



LƯU Ý

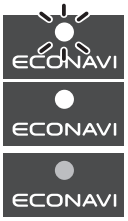
- Quần áo có thể không được đủ khô (tùy thuộc vào lượng đồ giặt, loại quần áo và nhiệt độ).
- Vì chức năng này không sử dụng bộ tăng nhiệt nên người dùng có thể thấy đồ giặt bị lạnh và không khô hẳn.

ECONAVI

- Chỉ khả dụng với chương trình "Giặt Thường"



■ Chỉ báo bằng đèn

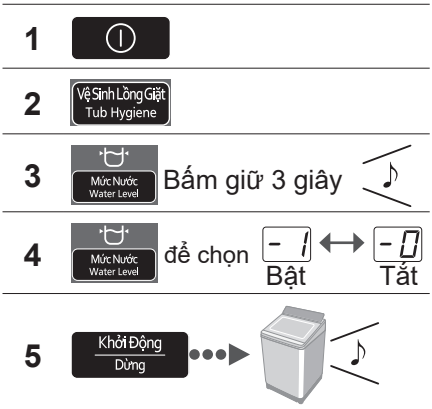


Đang dò tìm

ECONAVI khả dụng

ECONAVI không khả dụng

■ Để Bật / Tắt



* Điều kiện thử nghiệm:

- Chương trình "Giặt Thường"
- So sánh giữa vận hành có ECONAVI (lượng đồ giặt: 2,0 kg, nhiệt độ nước: trên 35 °C) với vận hành không có ECONAVI (lượng đồ giặt: 16,5; 14,5 hoặc 12,5 kg (khối lượng định mức), nhiệt độ nước: dưới 15 ºC)
- Thử nghiệm được tiến hành dựa trên tiêu chuẩn IEC60456 ngoại trừ nhiệt độ nước.

Các chức năng tiện dụng

Tự Động Vệ Sinh Lồng Giặt

Để tránh mốc đen, khả dụng với tất cả các chương trình giặt ngoại trừ “Tiết Kiệm Nước” và “Sấy Gió 90'”.

■ **Chỉ báo bằng đèn**



Đang hoạt động



Chức năng khả dụng



Chức năng không khả dụng

■ **Để Bật / Tắt**

1 

2 

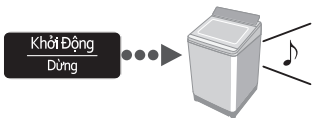
3 

Bấm giữ 3 giây 

4 

để chọn 

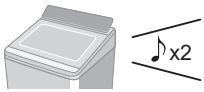
Tắt Bật

5 

Tắt còi báo giặt xong

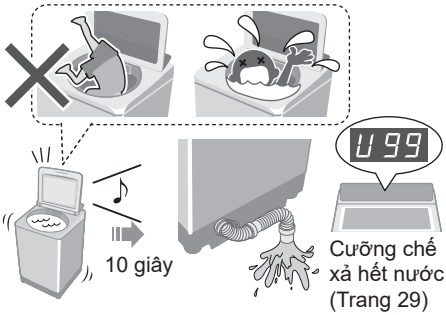
1 

Giữ 3 giây



■ **Để cài đặt lại:**
hãy làm tương tự 

Cài đặt chức năng Khóa An Toàn dành cho trẻ nhỏ



Cưỡng chế xả hết nước (Trang 29)

* Chức năng này không khóa nắp và các nút bấm vận hành.

1 

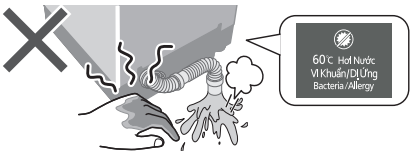
2 

Giữ 5 giây



■ **Để hủy:** hãy làm tương tự 

LƯU Ý



Nội dung các chế độ giặt

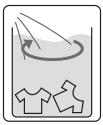
Chế độ		Tổng thời gian*1 (phút)	Giặt (phút)	Xả (lần)	Vắt (phút)
	Giặt Thường	65	9	2	7
	Gỡ Rối Tự Động	75	13	2	7
	Giặt Nhanh	50	3	2	5
	Giặt Nhẹ	50	9	2	1
	Đồ Trẻ Em	80	9	2	7
	Tiết Kiệm Nước	80	12	3	7
	Chăn Màn	80	12	2	7
	Giặt Ngâm	130 *2	71 (Ngâm 59 phút)	2	7
Stain Master +	**Giặt Lưu Hương**	85	13	2	7
	Bùn Đất	90	32	2	7
	Nước Sốt	110 *2	54 (Ngâm 29 phút)	2	7
	Cổ & Tay Áo	165 *2	33 *3	2	7
	Dầu Mỡ	170 *2	38 *3	2	7
	Vi Khuẩn/Dị Ứng	190 *2	30 *3	2	7
	Vệ Sinh Lồng Giặt	150 *2	65 (Ngâm 62 phút)	2	30

*1 **Tổng thời gian chỉ là tương đối (Khi tốc độ cấp nước tiêu chuẩn là 15 L / phút và nhiệt độ nước là 28 ºC).**

*2 Thời gian còn lại (tối đa 99 phút) sẽ được hiển thị. [- -] → [99]

*3 Chưa bao gồm thời gian đun nóng nước. Ký hiệu [- -] sẽ được hiển thị trong suốt quá trình đun nóng nước.

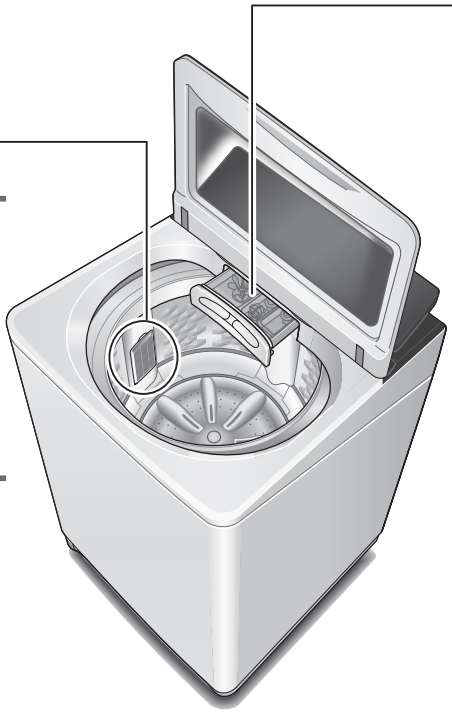
- "Xả tràn" nghĩa là cấp nước vào lồng giặt tới mực nước thiết lập, sau đó đồng thời vừa thực hiện quá trình xả vải vừa cấp nước vào lồng giặt.



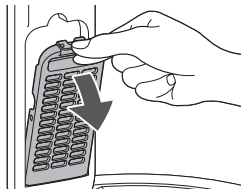
Bảo dưỡng

Hộp lọc xơ vải

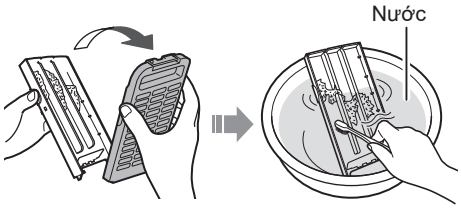
Sau mỗi lần hoạt động



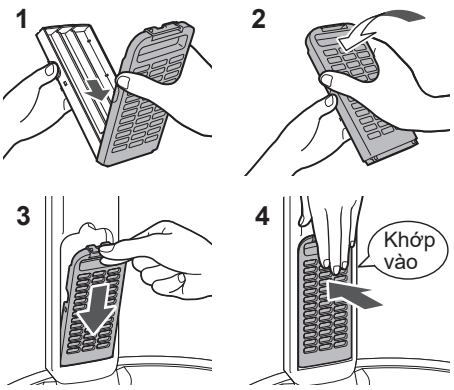
1



2



3

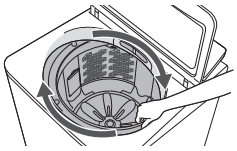


LƯU Ý

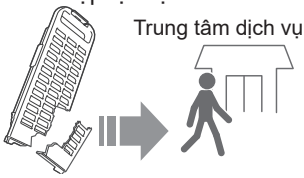
Không gắn hộp lọc



Nếu khó tháo hộp lọc, hãy xoay lồng giặt bằng tay



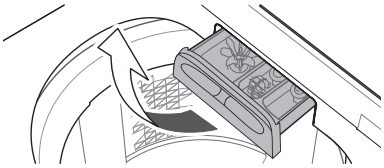
Nếu hộp lọc bị vỡ



Ngăn chứa chất giặt và nước xả vải

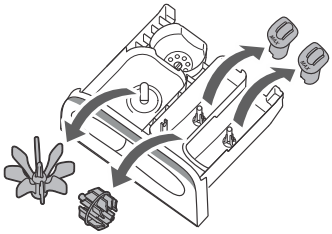
Nếu bị ố màu do chất giặt hoặc nước xả vải bám vào

1

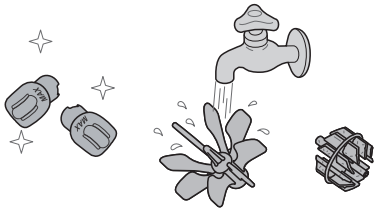


Tháo ngăn

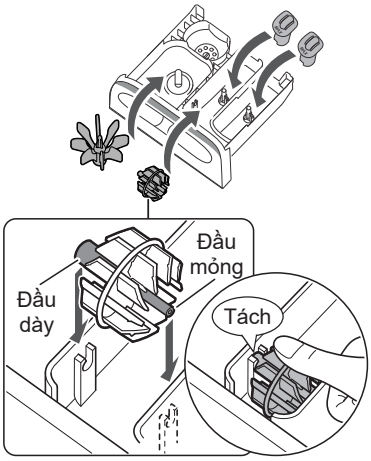
2



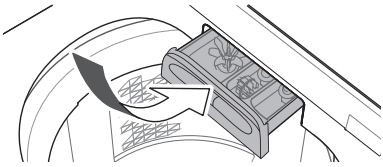
3



4



5



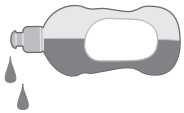
Gắn lại

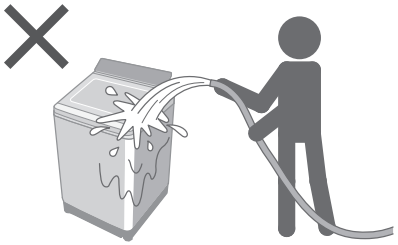
Thân máy, nắp



Với vết bẩn nhiều

Chất tẩy rửa nhà bếp trung tính

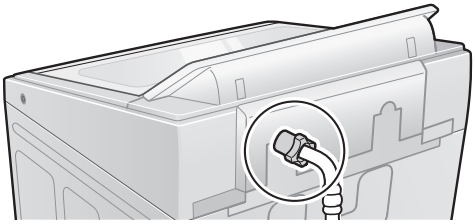




Bảo dưỡng (tiếp)

Lưới lọc cấp nước

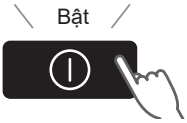
Nếu nước không chảy đều



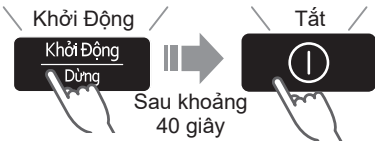
1



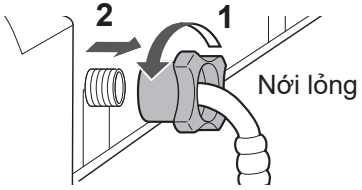
2



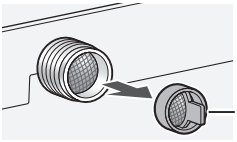
3



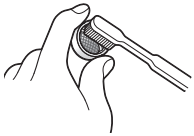
4



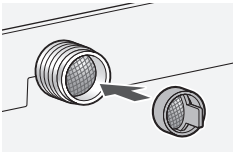
5



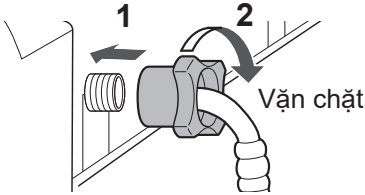
6



7

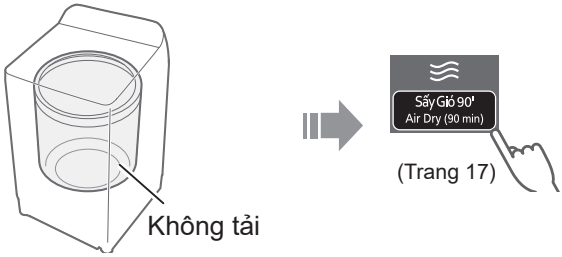


8



Lồng giặt

Mỗi tuần một lần <Sấy Gió 90'>

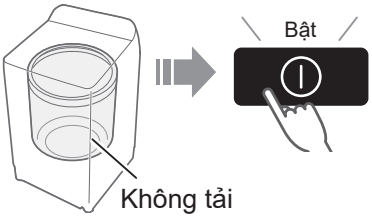


Mỗi tháng một lần <Vệ Sinh Lồng Giặt>

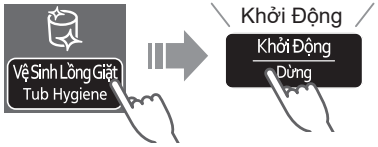
1



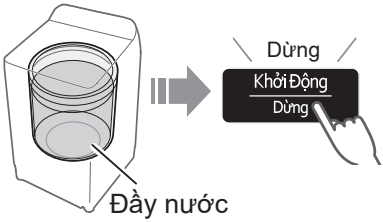
2



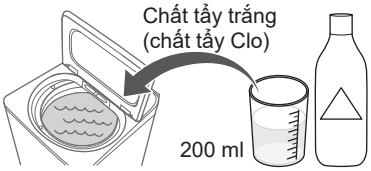
3



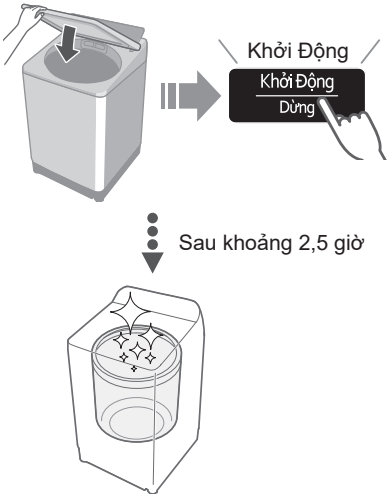
4



5



6



Lắp đặt

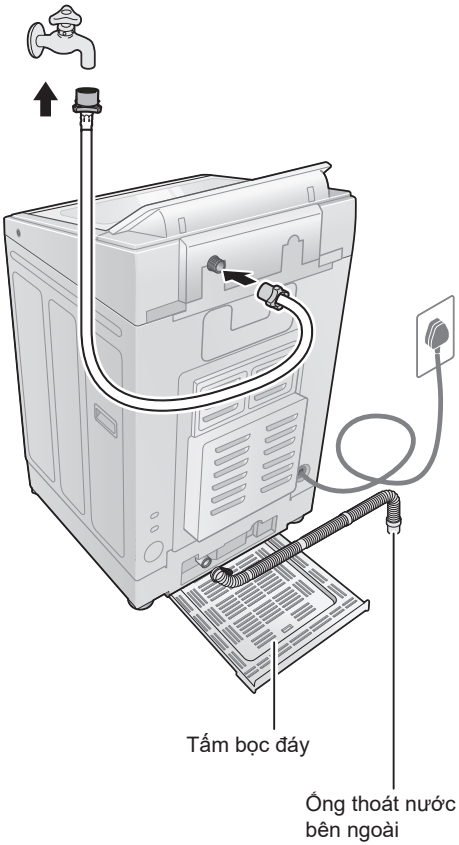
Kiểm tra vị trí.



Đảm bảo yêu cầu nhân viên bảo trì cho việc lắp đặt.

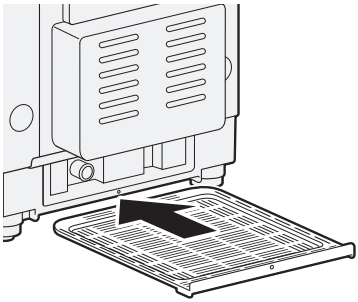


- Không tự mình lắp đặt thiết bị này.
- Làm theo phương pháp lắp đặt này. Nếu không, Panasonic sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tai nạn hoặc thiệt hại nào.

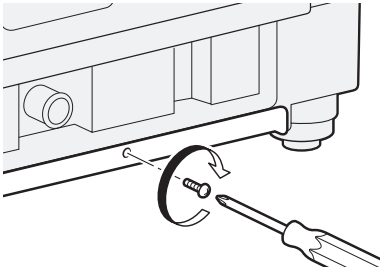


Lắp tấm bọc đáy

1

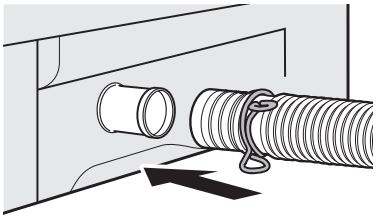


2

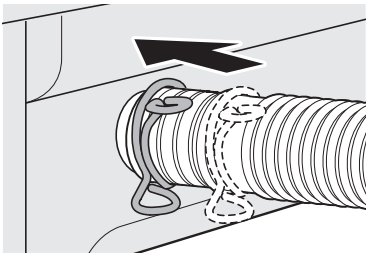


Gắn ống thoát nước bên ngoài

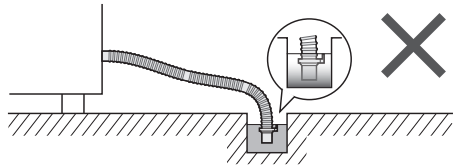
1

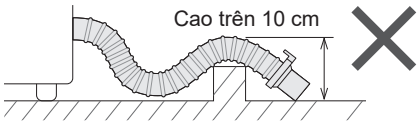


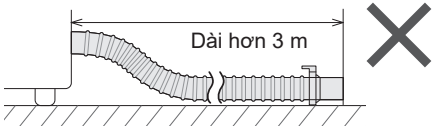
2



LƯU Ý

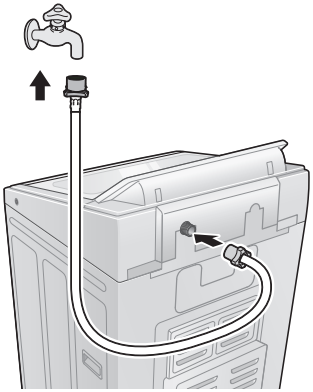






Lắp đặt (tiếp)

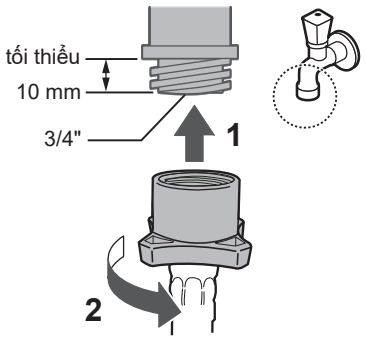
Nối ống cấp nước



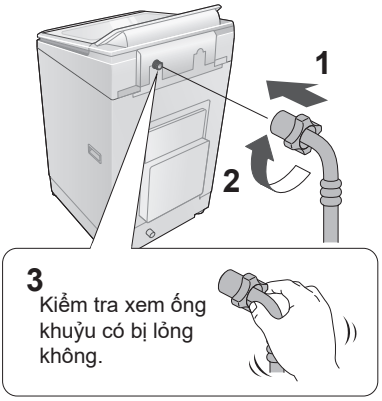
⚠ CẨN THẬN

- Vặn chặt đai ốc.
- Không được uốn cong, ép, sửa đổi hoặc cắt ống.

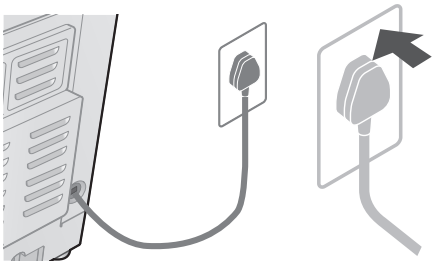
1

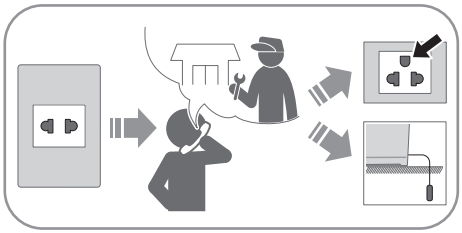


2



Nối phích cắm và nối đất

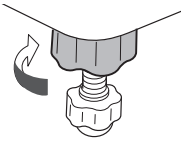




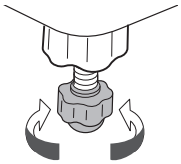
Kiểm tra tình trạng cân bằng của máy giặt

■ **Nếu máy không cân bằng**

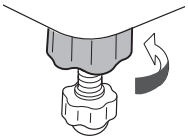
Nới lỏng



Điều chỉnh



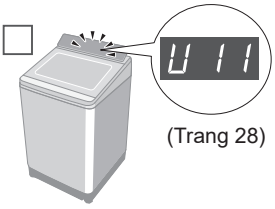
Vặn chặt



Vận hành thử

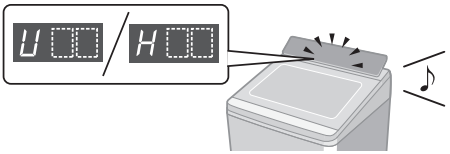




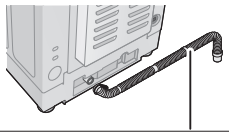
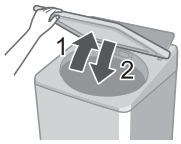
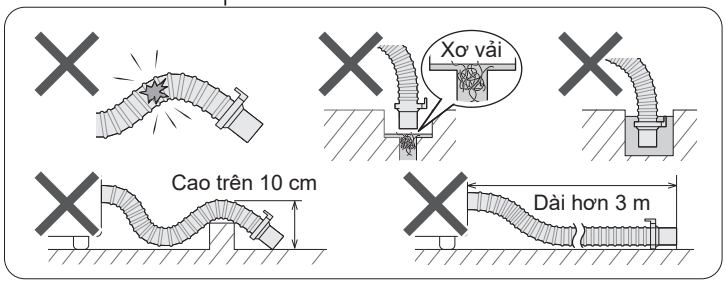
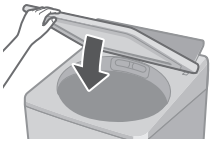
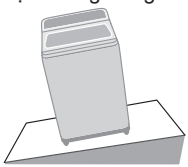
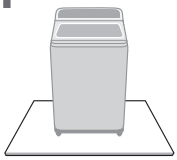


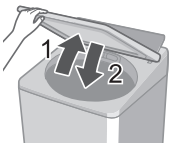
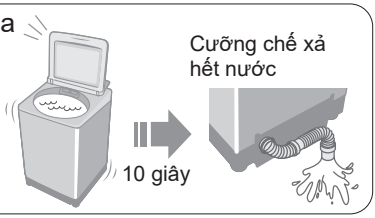
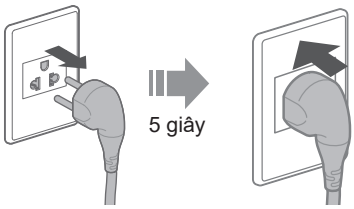
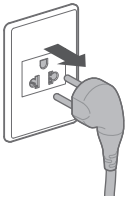
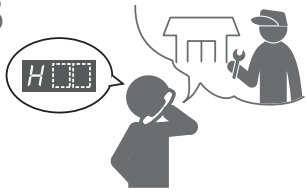
(Trang 28)

U13 và các cảnh báo khác

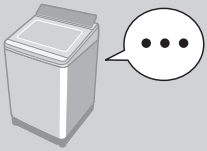
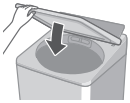
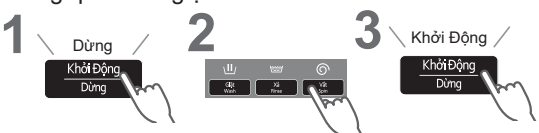


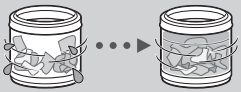
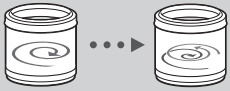
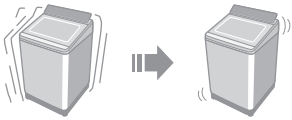
■ **Chuẩn bị**
Hủy bỏ chức năng Khóa An Toàn dành cho trẻ nhỏ (Trang 18) nếu đã cài đặt.

Cảnh báo	Các điểm cần kiểm tra
U 11 **Không thể xả nước.**	**1** Kiểm tra  **2**  
U 12 **Nắp đang mở.**	**1** 
U 13 **Quá trình vắt hoặc chế độ "Sấy Gió 90'" không thể sử dụng được.**	Mất cân bằng  **1** Sắp xếp lại cân bằng  **2**  Vị trí đặt máy bị dốc hoặc không vững chắc  **1** Vị trí vững chắc  **2** 

Cảnh báo	Các điểm cần kiểm tra
U 14 **Nước không thể cấp.**	 **1**  **2** 
U 99 **Máy buộc phải xả hết nước ra.**	Khi thiết lập chức năng Khóa An Toàn dành cho trẻ nhỏ   **1** 
H □□ **Yêu cầu kiểm tra.**	**1**  **2**  **3** 

Xử lý sự cố

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Thời gian	**Thời gian hiển thị tăng lên hoặc không đổi.** 	Thời gian hiển thị chỉ mang giá trị tương đối. Thời gian còn lại được điều chỉnh trong quá trình vận hành. 
	Thời gian vận hành dài hơn thời gian hiển thị. 	Khi quần áo bị mất cân bằng.  Khi xả nước không tốt.  Khi cấp nước không tốt.  ➡ Thời gian vận hành có thể dài hơn.
	Vận hành dài hơn thời gian hẹn giờ. 	
Thân máy	**Không hoạt động** 	☐Kiểm tra ● Mất điện  ● Cài đặt hẹn giờ  ☐Hãy thử ● Đóng nắp.  ● Mở nước.  ● Cắm chặt dây nguồn.  ● Ấn “Khởi Động”.  ● Đóng át tô mát. 
	Không thể thay đổi cài đặt các quá trình (sau khi khởi động). 	☐Hãy thử ● Trong quá trình giặt  ● Sau quá trình giặt 

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Giặt	**Nước được cấp thêm trong khi giặt.** 	Khi mực nước xuống thấp.  Khi lượng đồ giặt lớn.  ➡ Nước được tự động cấp thêm.
	Mực nước quá cao so với lượng đồ giặt 	Khi đồ giặt bị ướt.  Có nước trong lồng giặt trước khi vận hành.  ➡ Mực nước có thể cao hơn.
	Mực nước quá thấp so với lượng đồ giặt 	Đối với quần áo nhẹ (sợi tổng hợp, v.v.).  ➡ Mực nước có thể thấp hơn.
Xả	**Máy đã bắt đầu quá trình xả, nhưng nước không được cấp.** 	Khi không có nước trong lồng giặt.  ➡ Nước sẽ được cấp sau quá trình vắt.
		Khi có nước trong lồng giặt.  ➡ Nước sẽ được cấp sau khi xả và vắt.
Vắt	**Máy đột ngột chuyển sang quá trình xả khi đang vắt.**	Nếu quần áo bị mất cân bằng, máy giặt tự động chuyển sang quá trình xả để sắp xếp lại quần áo cho cân bằng. 
	Bắt đầu quá trình xả thay vì vắt. 	
	Xoay không đều khi vắt. 	Tốc độ xoay của lồng giặt được điều chỉnh để giảm rung động. 

Xử lý sự cố (tiếp)

	Hiện tượng	Các điểm cần kiểm tra
Các sự cố khác	**Mất điện / Nhảy át tô mát.** 	Máy giặt sẽ tiếp tục hoạt động từ điểm dừng lúc trước khi có điện trở lại. 
	StainMaster + **không hiệu quả.** 	☐Kiểm tra ● Khối lượng giặt tối đa (Trang 11)  ☐Hãy thử ● Tiền xử lý (Trang 7)  ● Lựa chọn theo loại vết bẩn. (Trang 11) 

Thông số kỹ thuật

Số model	NA-FD165V3	NA-FD145V3	NA-FD125V4
Điện áp định mức	220 - 240 V		
Tần số định mức	50 Hz		
Công suất tiêu thụ định mức	1475 - 1750 W		
Lượng nước tiêu chuẩn	99 L	93 L	91 L
Khối lượng giặt tối đa (Vải khô)	16,5 kg	14,5 kg	12,5 kg
Kích thước sản phẩm	681 mm (Rộng) x 747 mm (Dài) x 1112 mm (Cao)		
Trọng lượng sản phẩm	49 kg		
Áp suất nước máy	0,01 - 1 MPa		

* Hoạt động của máy giặt vẫn được đảm bảo trong điều kiện điện áp dao động từ 195 V tới 245 V, nhưng không đảm bảo về kết quả giặt.

Panasonic Corporation
https://www.panasonic.com
© Panasonic Appliances (Vietnam) Co., Ltd. 2024